

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2023

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Quyền.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N.T.G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 143/22B, ấp T.A, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N.H.H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 143/22B, ấp T.A, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N.T.G trình bày:**

Bà và ông N.H.H bắt đầu chung sống từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông H sống không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi với nhau, ly thân nhau từ năm 2020. Nay bà xin ly hôn ông H vì tình cảm vợ chồng không còn.

Bà và ông H chung sống có 02 con chung Nguyễn Tuấn Thanh, sinh ngày 04/10/1997 và Nguyễn Thị Thủy Tuyên, sinh ngày 20/10/1999. **Khi ly hôn Nguyễn Tuấn Thanh và Nguyễn Thị Thủy Tuyên** đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai khác nợ lại bà và ông H.

*** Theo bản tự khai ngày 18/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông N.H.H trình bày:**

Ông hoàn toàn thống nhất với lời khai của bà G về quan hệ hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do ông và bà G không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, nay ông đồng ý ly hôn bà G. Ông và bà G có 02 con chung đã thành niên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ai nợ lại ông và bà G.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N.T.G và ông N.H.H.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tuấn Thanh, sinh ngày 04/10/1997 Nguyễn Thị Thủy Tuyên sinh ngày 20/10/1999 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bà N.T.G và ông N.H.H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà G và ông H theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của bà N.T.G và ông N.H.H thấy rằng: Bà G và ông H sống chung với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn. Bà G và ông H thừa nhận ông bà chung sống không H phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau và ông bà không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy bà G và ông H sống chung với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận bà G và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà G và ông H chung sống có 02 con chung Nguyễn Tuấn Thanh, sinh ngày 04/10/1997 và Nguyễn Thị Thủy Tuyên, sinh ngày 20/10/1999. Do anh Thanh, chị Tuyên đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận bà N.T.G và ông N.H.H là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà N.T.G và ông N.H.H có 02 con chung Nguyễn Tuấn Thanh, sinh ngày 04/10/1997 và Nguyễn Thị Thủy Tuyên, sinh ngày 20/10/1999 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N.T.G và ông N.H.H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà N.T.G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021187 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà G đã nộp án phí xong.

Bà N.T.G và ông N.H.H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

LÂM TẤN NHÀN